TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 122/2022/KDTM-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Ông Nguyễn Lương Quân

- Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 82/2021/TLST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2863/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 3372/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V
Địa chỉ: 193 đường H, phường Đ, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Lệ C, sinh năm 1964
(Theo Giấy ủy quyền số 293/GUQ-KK ngày 18/3/2021).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần M
Địa chỉ: Thửa đất Z, Tờ bản đồ Y, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh B. (nay là số 37A/1 Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh B).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978
Địa chỉ: số 37A/1 Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Công ty Cổ phần V có bà Võ Thị Lệ C là người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm cho Công ty M, tổng trọng lượng hàng hóa là 48.961,2 kg. Ngày 10/9/2019, Công ty V đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 25/10/2019. Công ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000256 ngày 10/9/2019 với giá trị hợp đồng là 648.117.572 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm cho Công ty M, tổng trọng lượng hàng hóa là 36.801 kg. Ngày 27/9/2019, Công ty V đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 10/11/2019. Công ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000309 ngày 27/9/2019 với giá trị hợp đồng là 470.089.593 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm cho Công ty M, tổng trọng lượng hàng hóa là 49.706,3 kg. Ngày 17/10/2019, Công ty V đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 01/12/2019. Công ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000401 ngày 17/10/2019 với giá trị hợp đồng là 666.818.110 đồng.

Tổng cộng giá trị phải thanh toán của 03 Hợp đồng mua bán hàng hóa là 1.785.025.275 đồng. Theo hợp đồng, Công ty M có trách nhiệm thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng, công nợ quá hạn thanh toán thì Công ty M phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1,25%/tháng.

Ngày 31/3/2020, Công ty V và Công ty M lập Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng, theo đó Công ty M xác nhận còn nợ Công ty V số tiền của 03 hợp đồng mua bán hàng là 1.887.699.368 đồng, trong đó: Tiền hàng phải trả: 1.785.025.275 đồng; Tiền lãi quá hạn: 102.674.093 đồng.

Sau khi lập bản Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng, Công ty M vẫn không thanh toán công nợ cho Công ty V.

Ngày 30/6/2020, Công ty V và Công ty M lập Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng, theo đó Công ty M xác nhận còn nợ Công ty V số tiền của 03 hợp đồng mua bán hàng hóa là 1.954.454.421 đồng, trong đó: Tiền hàng phải trả: 1.785.025.275 đồng; Tiền lãi quá hạn: 169.429.146 đồng. Công ty M trình bày do gặp khó khăn về tài chính và cam kết sẽ thanh toán trong vòng 03 tháng kể từ tháng 7 đến tháng 10/2020 toàn bộ số tiền còn nợ.

Tuy nhiên đến nay, Công ty M vẫn không thanh toán số tiền còn nợ.

Nguyên đơn Công ty V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền nợ gốc là 1.785.025.275 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 715.940.309 đồng, tổng cộng là 2.500.965.584 (hai tỷ, năm trăm triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi bốn) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty V yêu cầu Công ty M tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mua bán đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

* Bị đơn Công ty Cổ phần M và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông

báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa bao gồm: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019; Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019; Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm các loại cho Công ty M. Công ty V đã thực hiện việc giao hàng hóa theo hợp đồng và đã xuất hóa đơn GTGT. Ngày 31/3/2020 và ngày 30/6/2020, Công ty V và Công ty M đã lập Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng. Đến nay, Công ty M chưa thanh toán số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 1.785.025.275 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Nguyên đơn Công ty Cổ phần V có địa chỉ trụ sở tại Quận 1. Theo khoản 2 Điều V của Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa Công ty Cổ phần V và Công ty Cổ phần M, các đương sự thỏa thuận Tòa án nhân dân Quận 1 là nơi nguyên đơn có trụ sở có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần V có bà Võ Thị Lệ C là người đại diện hợp pháp có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Cổ phần M và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 1.785.025.275 (một tỷ, bảy trăm tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm cho Công ty M, tổng trọng lượng hàng hóa là 48.961,2 kg. Ngày 10/9/2019, Công ty V đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 25/10/2019. Công ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000256 ngày 10/9/2019 với giá trị hợp đồng là 648.117.572 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm cho Công ty M, tổng trọng lượng hàng hóa là 36.801 kg. Ngày 27/9/2019, Công ty V đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 10/11/2019. Công ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000309 ngày 27/9/2019 với giá trị hợp đồng là 470.089.593 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty V bán thép tấm cho Công ty M, tổng trọng lượng hàng hóa là 49.706,3 kg. Ngày 17/10/2019, Công ty V đã giao hàng đầy đủ theo thỏa thuận, thời hạn thanh toán theo hợp đồng là ngày 01/12/2019. Công ty V đã xuất hóa đơn GTGT số 0000401 ngày 17/10/2019 với giá trị hợp đồng là 666.818.110 đồng.

Hợp đồng được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng nên hợp đồng có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

Ngày 31/3/2020, Công ty V và Công ty M lập Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng, theo đó Công ty M xác nhận còn nợ Công ty V số tiền của 03 hợp đồng mua bán hàng hóa (Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019) là 1.887.699.368 đồng, trong đó: Tiền hàng phải trả: 1.785.025.275 đồng; Tiền lãi quá hạn: 102.674.093 đồng.

Ngày 30/6/2020, Công ty V và Công ty M lập Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng, theo đó Công ty M xác nhận còn nợ Công ty V số tiền của 03 hợp đồng mua bán hàng hóa (Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019) là 1.954.454.421 đồng, trong đó: Tiền hàng phải trả: 1.785.025.275 đồng; Tiền lãi quá hạn: 169.429.146 đồng. Tại Bản đối chiếu xác nhận công nợ bán hàng, đại diện Công ty M trình bày do gặp khó khăn về tài chính và cam kết sẽ thanh toán trong vòng 03 tháng kể từ tháng 7 đến tháng 10/2020 toàn bộ số tiền còn nợ.

Tuy nhiên đến nay bị đơn Công ty M chưa thanh toán khoản tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký.

Như vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.785.025.275 (một tỷ, bảy trăm tám mươi lăm triệu, không

trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi lăm) đồng là phù hợp với thỏa thuận tại Điều IV của Hợp đồng hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 715.940.309 (bảy trăm mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, ba trăm lẻ chín) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 3 Điều III và Điều IV của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019; Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019; do đó có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều III của Hợp đồng hai bên đã giao kết và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Về mức lãi suất chậm trả:

Căn cứ khoản 4 Điều III của Hợp đồng hai bên đã giao kết có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả là 1,25%/tháng, tương đương 15%/năm.

Căn cứ mức lãi suất cho vay trung hạn phục vụ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (9.5%-10%) là 9,75%/năm; Lãi suất cho vay trung hạn sản xuất kinh doanh thông thường của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 10,5%/năm; Lãi suất cho vay trung hạn thông thường của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 10,5%/năm. Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng 150% lãi suất trong hạn được xác định là 15,375%/năm.

Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 15%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Về số tiền lãi chậm trả:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 447-2019/HMC/XN5-MS ngày 09/9/2019: Số tiền nợ gốc là 648.117.572 đồng. Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2022) là:

648.117.572 đồng x 994 ngày x 15%/365 = 264.751.589 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 459-2019/HMC/XN5-MS ngày 26/9/2019: Số tiền nợ gốc là 470.089.593 đồng. Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2022) là:

470.089.593 đồng x 978 ngày x 15%/365 = 188.937.379 đồng.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 487-2019/HMC/XN5-MS ngày 16/10/2019: Số tiền nợ gốc là 666.818.110 đồng. Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2022) là:

666.818.110 đồng x 957 ngày x 15%/365 = 262.251.341 đồng

Do đó số tiền lãi chậm trả mà Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

264.751.589 đồng + 188.937.379 đồng + 262.251.341 đồng = 715.940.309 đồng.

[4] Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà Công ty M phải thanh toán cho Công ty V tính đến ngày xét xử là:

1.785.025.275 đồng + 715.940.309 đồng = 2.500.965.584 (hai tỷ, năm trăm triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi bốn) đồng.

[5] Về phương thức thanh toán: Công ty M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần V số tiền nợ gốc là 1.785.025.275 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 715.940.309 đồng, tổng cộng là 2.500.965.584 (hai tỷ, năm trăm triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi bốn) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần M có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần M phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 82.019.312 (tám mươi hai triệu, không trăm mười chín nghìn, ba trăm mười hai) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.437.160 (ba mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030668 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Đỗ Nguyễn Mai Phương